| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CẨM MỸ**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **40**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11/7/2024
*"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Khuyên**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà **Nguyễn Thị Thuỳ Linh**
2. Bà **Thái Thị Thuỷ Tiên**

**-** *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đoàn Thị Bích** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

**-** *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 103/2024/TLST- HNGĐ ngày 13/3/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 17/6/2024 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Hồng N**, sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn H, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn*: Anh **Văn Đình T**, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

*(các đương sự vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**** Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn chị Trần Thị Hồng N trình bày:***

Chị và anh Văn Đình T trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu thương yêu nhau trong thời gian khoảng gần 01 năm thì tiến tới hôn nhân với nhau vào năm 2018, không tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống và đăng ký kết hôn tại xã B, huyện C tỉnh Đồng Nai vào ngày 18/6/2018. Đây là hôn nhân lần thứ hai của cả hai người. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn bắt đầu trầm trọng là từ tháng 11 năm 2023 nên anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2024 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị N trình bày: do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày và anh T có quan hệ ngoại tình từ tháng 01 năm 2024. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng chị

dành cho anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là Văn Ngọc Như Ý, sinh ngày 16/9/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu Ý, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình giải quyết vụ án theo hồ sơ thể hiện án bị đơn anh Văn Đình T trình bày:***

Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về cơ sở tiến tới hôn nhân, quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh xác định vợ chồng có bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi cả, xô xát nhau nhưng anh không có ngoại tình như chị N đã trình bày. Mặc dù vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2024 cho đến nay, nhưng trong quá trình làm việc anh T vẫn mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân và không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Tuy nhiên, tại bản tự khai và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 11 tháng 7 năm 2024 thì anh T đồng ý ly hôn với chị N và đồng ý giao con chung là cháu Văn N1 Như Ý cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ. Cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

- Về nội dung: áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131, Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N và anh T ly hôn; áp dụng Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Văn Ngọc Như Ý1, sinh ngày 16/9/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T do chị N không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: không

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: chị Trần Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Văn Đình T, xin nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ án về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Văn Đình T có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[3] Về thủ tục tố tụng: chị Trần Thị Hồng N và anh Văn Đình T có đơn và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị N là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Hồng N và anh Văn Đình T đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào ngày 18/6/2018 theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 60/2018 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N nhận thấy:

Theo trình bày của chị N thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong sinh hoạt hàng ngày và anh T có quan hệ ngoại tình. Nay do tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T thống nhất một phần nguyên nhân mâu thuẫn như chị N trình bày và đồng ý ly hôn với chị N. Xét thấy, giữa anh chị không có sự chia sẻ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có sự vi phạm tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T.

[6] Về con chung: Khi ly hôn chị N và anh T thống nhất giao cháu Văn Ngọc Như Ý1, sinh ngày 16/9/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thỏa thuận này của anh chị phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của anh chị.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị N không yêu cầu nên tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: chị N và anh T xác định vợ chồng không có nên không ai yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 131; Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Hồng N.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Trần Thị Hồng N được ly hôn với anh Văn Đình T.

- Về con chung: Giao con chung Văn Ngọc Như Ý1, sinh ngày 16/9/2018 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Khi cần thiết chị N, anh T được quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

- Về án phí: chị Trần Thị Hồng N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 0011998 ngày 11/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, chị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
*- TAND. tỉnh Đồng Nai;*
*- VKSND tỉnh Đồng Nai;*
*- VKSND H. Cẩm Mỹ;*
*- Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ;*
*- Những người tham gia tố tụng;*
*-UBND xã Bảo Bình;*
*- Lưu án văn;*
*- Hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Khuyên**